

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 14/4/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Lam và ông Đinh Tuấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị L1** – sinh năm 1950

Địa chỉ: Tổ x, ấp TL, xã PX, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Đặng Thị L** – sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ y, ấp z, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Hồng V** – sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp z, xã PD, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị L1 trình bày:

Bà L1 có quen biết bà L nên có cho bà L vay số tiền 36.500.000đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể theo giấy nhận tiền ngày 18/6/2017 với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), giấy nhận tiền ngày 12/6/2017 với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), giấy nhận tiền ngày 16/9/2019 với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và giấy nhận tiền ngày 17/9/2019 với số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Do phía bà L không trả tiền nên bà L1

khởi kiện yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền đã vay 36.500.000đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng); không yêu cầu tiền lãi.

Tuy nhiên, đối với số tiền theo giấy nhận tiền ngày 18/6/2017 và giấy nhận tiền ngày 12/6/2017 với tổng số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thì chưa thỏa thuận, làm rõ được nên bà rút yêu cầu khởi kiện; còn lại đề nghị Tòa án giải quyết bà L có trách nhiệm trả đối với số tiền 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Đặng Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận việc vay của bà L1 theo giấy nhận tiền ngày 16/9/2019 đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và giấy nhận tiền ngày 17/9/2019 với số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng); đồng ý có trách nhiệm trả cho bà L1 số tiền 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) đã vay. Đối với số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bà thừa nhận có vay theo của bà L1 theo các giấy nhận tiền ngày 18/6/2017 và giấy nhận tiền ngày 12/6/2017, nhưng con gái bà là chị Nguyễn Thị Hồng V đã trả tiền cho bà L. Đối với tiền lãi đã trả, bà L không yêu cầu xem xét giải quyết. Sự việc các bên thỏa thuận vay tiền không có liên quan đến người nào khác nên không đề nghị đưa ai khác tham gia tố tụng, không có yêu cầu phản tố.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Chị V có vay tiền của bà L1 ngày 14/8/2018 với số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), đến ngày 10/02/2021 thì đã trả tiền gốc 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Bà L có mượn tiền của bà L1 theo các giấy mượn tiền mà bà L khởi kiện. Bà L1 khởi kiện yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả số tiền đã vay là 36.500.000đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) thì chị có ý kiến yêu cầu Tòa án căn cứ theo các giấy tờ mà bà L đã nộp thể hiện bà L đã trả một phần số tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Bản thân chị không có trách nhiệm trả tiền đối với bà L1, không có yêu cầu độc lập.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho đương sự. Các đương sự không có ý kiến gì đối với các tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc

16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng); đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với số tiền nợ gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Đặng Thị L có nơi cư trú tại xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Bà Hoàng Thị L1 khởi kiện yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả số tiền đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà L1 là người khởi kiện bà L nên xác định tư cách đương sự bà L1 là nguyên đơn, bà L là bị đơn, diễn biến vụ việc có liên quan đến chị Nguyễn Thị Hồng V nên xác định tư cách đương sự chị V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Giấy nhận tiền ngày 18/6/2017 không có thời hạn, giấy nhận tiền ngày 12/6/2017 có thời hạn đến ngày 20/8/2017, giấy nhận tiền ngày 16/9/2019 có thời hạn đến ngày 16/11/2019 và giấy nhận tiền ngày 17/9/2019 có thời hạn đến ngày 27/11/2019. Đến ngày 09/9/2022, bà L1 nộp đơn yêu cầu khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn đối với các giấy nhận tiền ngày 16/9/2019 và giấy nhận tiền ngày 17/9/2019. Căn cứ theo Điều 429, điểm d Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng là 03 (ba) năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, tuy nhiên theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Tòa án chỉ áp dụng về thời hiệu khởi kiện theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc. Căn cứ Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý vụ án để giải quyết, không xem xét về thời hiệu khởi kiện đối với các giấy nhận tiền ngày 18/6/2017 và giấy nhận tiền ngày 12/6/2017 là đúng quy định pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Bà L1 khởi kiện yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho bà L1 số tiền gốc 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Đối với việc bà L1

rút cầu số tiền gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ.

[2.1] Các giấy nhận tiền ngày 18/6/2017, giấy nhận tiền ngày 12/6/2017, giấy nhận tiền ngày 16/9/2019 và giấy nhận tiền ngày 17/9/2019 là giao dịch dân sự do các bên bà L1 và bà L tự nguyện ký kết, có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận toàn bộ nội dung vay tiền theo thỏa thuận đã ký kết.

[2.2] Đối với việc bà L1 rút cầu số tiền gốc 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ, trường hợp nếu có tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện tại vụ án khác.

[3] Đối với nghĩa vụ thực hiện, bà L đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466, Điều 469 và Điều 470 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn bà L không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ V không có yêu cầu độc lập.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả số tiền gốc của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Do nguyên đơn không yêu cầu đòi tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Hoàng Thị L1 là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Bà Đặng Thị L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 223, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 229, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- **Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15**, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Đặng Thị L.

Buộc bà Đặng Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị L1 số tiền nợ gốc là 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L1 đã rút đối với số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Hậu quả của việc đình chỉ: Bà L1 có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu này.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị L1, bà Đặng Thị L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng